

Số: 100 /QĐ-UBND

Thuận Lộc, ngày 28 tháng 08 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Quyết toán thu-chi ngân sách xã năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, ngày 25/6/2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư 343 /2016/TT/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Căn cứ Nghị Quyết Hội đồng nhân dân xã số 37 ngày 30/07/2019 khóa XVII, kỳ họp thứ 7 về việc phê duyệt Quyết toán thu-chi ngân sách xã năm 2018;

Xét đề nghị của Bộ phận Tài chính-Kế toán ngân sách xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Quyết toán thu-chi ngân sách trên địa bàn năm 2018 (Theo các biểu mẫu đính kèm Quyết định này)

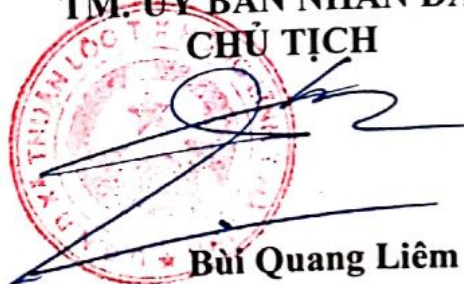
Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Văn phòng ủy ban nhân dân, Kế toán ngân sách xã, Các Tổ chức, Ban ngành, Đoàn thể liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Phòng KH-TC thị xã;
- BTV Đảng ủy, TT HĐND, UBND;
- UBMTTQ, Thanh tra nhân dân xã;
- Lưu: VPUB, TC-NS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Quang Liêm

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THUẬN LỘC

Mẫu biểu số 111/CKTC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: Đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Giá trị đã thanh toán năm 2018			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của nhân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng	Chưa theo nguồn vốn	
Tổng số		23.161.737.284	1.987.940.550	19.346.053.000	6.911.075.000	6.911.075.000	6.574.971.400	336.103.600
Công trình chuyển tiếp		22.863.790.284	1.987.940.550	19.079.002.000	6.761.075.000	6.761.075.000	6.424.971.400	336.103.600
Nhà Văn hóa Thôn Thuận Sơn	2013	291.569.000	58.313.800	242.526.000	54.000.000	54.000.000	54.000.000	
Nhà Văn hóa Thôn Tân Hòa	2013	1.574.304.000	314.860.800	1.369.357.000	319.081.000	319.081.000	319.081.000	
Nhà Văn hóa Thôn Phúc Thuận	3013-2014	505.631.000	101.126.200	446.817.000	129.000.000	129.000.000	129.000.000	
Nhà Văn hóa Thôn Thuận Giang	2013	881.227.000	176.245.400	754.049.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	
Dương GTND Thôn Thuận Sơn		1.032.985.000	206.597.000	1.280.525.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000	
Hệ thống kênh tưới Cồn Chiềng Cồn Mọc	2017	615.078.000		537.250.000	377.688.000	377.688.000	377.688.000	
Sửa chữa, nâng cấp nhà học 2 tầng và xây mới 2 phòng học trường MN	2016-2017	2.825.775.000		2.638.663.000	138.000.000	138.000.000	138.000.000	
Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng trường Tiểu Học	2016	2.211.297.000		2.011.867.000	186.010.000	186.010.000	186.010.000	
Nhà Văn hóa Thôn Chùa	2013	1.562.366.000	312.473.200	1.352.056.000	236.000.000	236.000.000	236.000.000	
Nhà Đa chức tầng 2 tầng 10 phòng trường Tiểu Học	2017	4.581.052.000		4.414.214.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	
Chỉnh trang đô thị Thôn Phúc Thuận năm 2016	2016-2017	969.178.000	339.212.300	860.163.000	497.605.000	497.605.000	323.443.250	174.161.750
Chỉnh trang đô thị Thôn Chùa năm 2016	2016-2017	310.663.000	108.732.050	260.217.000	110.530.000	110.530.000	71.844.500	38.685.500
Công, hàng rào, san nền trường THCS	2011-2012	1.458.063.000		1.194.789.000	251.000.000	251.000.000	251.000.000	

Ông: hàng rào, san nền trường	2011-2012	191.956.284																	
Mảnh Non																			
Dường GTNT (Cầu Hồng Phúc đến Con Đò)	2013	2.794.418.000																	
Chỉnh trang đô thị thôn Đồi Cao năm 2017 (Tuyển đường Bê Tông đến nhà Ô Hào)	2017	26.967.000																	
Chỉnh trang đô thị thôn Đồi Cao năm 2017 (Tuyển NVH đến nhà Ô Túc)	2017	37.236.000																	
Chỉnh trang đô thị thôn Chùa năm 2017	2017	260.196.000																	
Chỉnh trang đô thị thôn Thuận																			
Trung năm 2017 (Tuyển RTN từ ông Ng: Huy Ánh đến nhà ông Trần Mạnh Hà)	2017	245.691.000																	
Chỉnh trang đô thị thôn Thuận Sơn năm 2017	2017	53.093.000																	
Chỉnh trang đô thị thôn Hồng Lâm năm 2017 (Tuyển bà Bùi Thị Nguyệt đến nhà Ô Cao Thanh)	2017	126.116.000																	
Chỉnh trang đô thị thôn Hồng Lâm năm 2017 (Tuyển bà Lê Thị Châu đến nhà Ô Xanh)	2017	308.929.000																	
Công trình khởi công mới		297.947.000																	
Hoàn thành trong năm		297.947.000																	
Cải tạo văn phòng thành nhà bếp, nhà ăn Tiểu Học	2018	297.947.000																	

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2018*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)*

Đơn vị: đồng

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	11.119.393.990	Tổng số chi	11.119.393.990
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	166.336.608	I. Chi đầu tư phát triển	6.130.280.300
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2.454.802.277	II. Chi thường xuyên	4.939.749.795
III. Thu bổ sung	8.481.819.000	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	49.363.895
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.196.362.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	4.285.457.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	16.436.105		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)			
Kết dư ngân sách			

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2018

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
Tổng thu	10.581.000.000	9.904.000.000	11.849.210.896	11.119.393.990	105,09	112,27
Các khoản thu 100%	437.000.000	435.000.000	166.336.608	166.336.608	38,06	38,24
- Phí, lệ phí	37.000.000	35.000.000	22.151.000	22.151.000	59,87	63,29
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
Thu từ quỹ đất công ích 5%						
Hoa lợi công sản trên đất công						
Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			5.075.000	5.075.000		
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			3.000.000	3.000.000		
- Thu khác	400.000.000	400.000.000	136.110.608	136.110.608	34,03	34,03
Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.384.000.000	1.709.000.000	3.184.619.183	2.454.802.277	102,97	143,64
Các khoản thu phân chia						
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	14.000.000	14.000.000	13.000.000	13.000.000	92,86	92,86
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	10.000.000	10.000.000	4.450.000	1.380.000		
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	10.000.000	10.000.000	38.094.324	28.780.524	287,81	287,81
Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
Thu tiền sử dụng đất	2.000.000.000	1.600.000.000	2.990.482.000	2.392.385.600	119,62	149,52
Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
Thuế tài nguyên						
Thuế giá trị gia tăng	250.000.000	75.000.000	66.043.789	19.256.153	7,70	25,67
Thuế thu nhập doanh nghiệp						
Thuế thu nhập cá nhân	100.000.000		72.549.070		72,55	
Thuế tiêu thụ đặc biệt						
Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu)						
Thu chuyển nguồn			16.436.105	16.436.105		
Thu kết dư ngân sách năm trước	7.760.000.000	7.760.000.000	8.481.819.000	8.481.819.000	109,30	109,30
Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.197.000.000	4.197.000.000	4.196.362.000	4.196.362.000	99,98	99,98
- Bổ sung cân đối ngân sách						
- Bổ sung có mục tiêu	3.563.000.000	3.563.000.000	4.285.457.000	4.285.457.000		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2018

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Nội dung	Dự toán				Quyết toán				So sánh (%)		
	Tổng số	DYPT	TX	Tổng số	DYPT	TX	Tổng số	DYPT	TX		
Tổng chi	9.904.000.000	4.450.000.000	5.454.000.000	11.070.030.095	6.130.280.300	4.939.749.795	111,8	137,8	90,57		
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	610.000.000		610.000.000	664.209.439		664.209.439	108,9		108,89		
2. Chi giáo dục	530.000.000	500.000.000	30.000.000	643.300.000	611.000.000	32.300.000	121,4	122,2	107,67		
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ											
4. Chi y tế											
5. Chi văn hóa, thông tin	745.000.000	700.000.000	45.000.000	836.181.000	798.081.000	38.100.000	112,24	114,01	84,67		
6. Chi phát thanh, truyền thanh											
7. Chi thể dục, thể thao	30.000.000		30.000.000	26.850.000		26.850.000	89,50		89,5		
8. Chi bảo vệ môi trường											
9. Chi các hoạt động kinh tế	3.820.000.000	3.250.000.000	570.000.000	4.801.471.300	4.721.199.300	80.272.000	125,69	145,27	14,083		
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.738.080.000		3.738.080.000	3.727.567.147		3.727.567.147	99,72		99,72		
11. Chi cho công tác xã hội	160.920.000		160.920.000	242.541.209		242.541.209	150,72		150,72		
12. Chi khác	170.000.000		170.000.000	127.910.000		127.910.000	75,24		75,24		
13. Dự phòng	100.000.000		100.000.000								
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau											

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THUẬN LỘC

Mẫu biểu số 119/CKTC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: Đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Giá trị đã thanh toán năm 2018			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của nhân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng	Chia theo nguồn vốn	Nguồn ND đóng góp
Tổng số		23.161.737.284	1.987.940.550	19.346.053.000	6.911.075.000	6.911.075.000	6.574.971.400	336.103.600
Công trình chuyển tiếp		22.863.790.284	1.987.940.550	19.079.002.000	6.761.075.000	6.761.075.000	6.424.971.400	336.103.600
Nhà Văn hóa Thôn Thuận Sơn	2013	291.569.000	58.313.800	242.526.000	54.000.000	54.000.000	54.000.000	
Nhà Văn hóa Thôn Tân Hòa	2013	1.574.304.000	314.860.800	1.369.357.000	319.081.000	319.081.000	319.081.000	
Nhà Văn hóa Thôn Phúc Thuận	3013-2014	505.631.000	101.126.200	446.817.000	129.000.000	129.000.000	129.000.000	
Nhà Văn hóa Thôn Thuận Giang	2013	881.227.000	176.245.400	754.049.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	
Đường GTND Thôn Thuận Sơn		1.032.985.000	206.597.000	1.280.525.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000	
Hệ thống kênh tưới Cồn Chiếng, Cồn Mộc	2017	615.078.000		537.250.000	377.688.000	377.688.000	377.688.000	
Sửa chữa, nâng cấp nhà học 2 tầng và xây mới 2 phòng học trường MN	2016-2017	2.825.775.000		2.638.663.000	138.000.000	138.000.000	138.000.000	
Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng trường Tiểu Học	2016	2.211.297.000		2.011.867.000	186.010.000	186.010.000	186.010.000	
Nhà Văn hóa Thôn Chùa	2013	1.562.366.000	312.473.200	1.352.056.000	236.000.000	236.000.000	236.000.000	
Nhà Đa chức năng 2 tầng 10 phòng trường Tiểu Học	2017	4.581.052.000		4.414.214.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	
Chinh trang đô thị Thôn Phúc Thuận năm 2016	2016-2017	969.178.000	339.212.300	860.163.000	497.605.000	497.605.000	323.443.250	174.161.750
Chinh trang đô thị Thôn Chùa năm 2016	2016-2017	310.663.000	108.732.050	260.217.000	110.530.000	110.530.000	71.844.500	38.685.500
Công, hàng rào, san nền trường THCS	2011-2012	1.458.063.000		1.194.789.000	251.000.000	251.000.000	251.000.000	

Mâm Non	2011-2012	191.956.284		981.144.000	210.000.000	210.000.000	210.000.000	210.000.000	
Dương GTNT (Cầu Hồng Phúc đến Cơn Đỏ)	2013	2.794.418.000			1.940.000.000	1.940.000.000	1.940.000.000	1.940.000.000	
Chinh trang đô thị thôn Đồi Cao năm 2017 (Tuyển dương Bê Tông đến nhà Ô Hào)	2017	26.967.000	9.438.450	23.005.000	6.314.000	6.314.000	6.314.000	4.104.100	2.209.900
Chinh trang đô thị thôn Đồi Cao năm 2017 (Tuyển NVH đến nhà Ô Túc)	2017	37.236.000	13.032.600	31.181.000	14.133.000	14.133.000	14.133.000	9.186.450	4.946.550
Chinh trang đô thị thôn Chùa năm 2017	2017	260.196.000	91.068.600	107.629.000	52.953.000	52.953.000	52.953.000	34.419.450	18.533.550
Chinh trang đô thị thôn Thuận Trung năm 2017 (Tuyển RTN từ ông Ng: Huy Ảnh đến nhà ông Trần Mạnh Hà)	2017	245.691.000	85.991.850	212.695.000	114.428.000	114.428.000	114.428.000	74.378.200	40.049.800
Chinh trang đô thị thôn Thuận Sơn năm 2017	2017	53.093.000	18.582.550	46.738.000	20.285.000	20.285.000	20.285.000	13.185.250	7.099.750
Chinh trang đô thị thôn Hồng Lam năm 2017 (Tuyển bà Bùi Thị Nguyệt đến nhà Ô Cao Thanh)	2017	126.116.000	44.140.600	111.960.000	46.870.000	46.870.000	46.870.000	30.465.500	16.404.500
Chinh trang đô thị thôn Hồng Lam năm 2017 (Tuyển bà Lê Thị Châu đến nhà Ô Xanh)	2017	308.929.000	108.125.150	202.157.000	97.178.000	97.178.000	97.178.000	63.165.700	34.012.300
Công trình khởi công mới		297.947.000		267.051.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	
Hoàn thành trong năm		297.947.000		267.051.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	
Cải tạo văn phòng thành nhà bếp, nhà ăn Tiểu Học	2018	297.947.000		267.051.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	

Tỉnh: Hà Tĩnh
Thị xã: Hồng Lĩnh
Xã: Thuận Lộc

Mẫu số B04 - X
(Ban hành theo QĐ số 94/2005/QĐ -BTC
ngày 12/12/2005 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2018

I- Một số đặc điểm

Xã Thuận Lộc nằm ở phía Tây Nam của Thị xã Hồng Lĩnh, có diện tích tự nhiên 720.99 ha, gồm 9 Thôn, 1.185 hộ, 4593 nhân khẩu, Phía Bắc Giáp xã Đức Thịnh, Huyện Đức Thọ và Phường Đức Thuận TX Hồng Lĩnh; Phía Nam giáp xã Thuận Lộc, xã Song Lộc Huyện Can Lộc; Phía Đông giáp phường Nam Hồng, Phường Đậu Liêu, TX Hồng Lĩnh; Phía Tây giáp xã Kim Lộc huyện Can Lộc và xã Thái Yên huyện Đức Thọ.

Mục tiêu và nhiệm vụ kinh tế, tài chính trong năm ngân sách của xã: Quản lý và điều hành tốt công tác thu, chi ngân sách xã, tận dụng tốt nguồn nội lực và ngoại lực để hoàn thành tốt các nhiệm vụ thu – chi ngân sách. Huy động và quản lý sử dụng tốt nguồn ngân sách, nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản và các nguồn vốn hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới nên năm 2018 ngân sách xã đã góp phần đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng ở địa phương, hoàn thiện và nâng cao các Tiêu chí Nông thôn mới theo Tinh quy định và đáp ứng kịp thời tiền lương, phụ cấp CBCC xã và một phần phục vụ cho các hoạt động của các tổ chức, ban ngành, thể tại xã. Bên cạnh đó chấp hành tốt Luật ngân sách, chi tiêu tiết kiệm, điều hành chi ngân sách sát đúng với tình hình thực tế của địa phương, linh hoạt đảm bảo các công việc, đúng chế độ tài chính hiện hành

II- Tình hình ngân sách và tài chính của xã

1. Đánh giá thu, chi ngân sách xã so với năm trước, so với dự toán

1.1. Thu ngân sách năm 2018

- Tổng thu ngân sách Nhà nước = 11.849.210.896 đồng đạt 158.44% KH HĐND Thị xã giao; đạt 112.3 % KH xã giao = 102.5 % so với cùng kỳ.

- Thu ngân sách xã hưởng năm 2018 đạt: 11.119.393.990 đồng = 175.36% KH năm = 110.6 % so với cùng kỳ.

Trong đó:

Thu hưởng 100% đạt: 166.336.608 đồng = 63.29% với kế hoạch = 40.9% so với cùng kỳ.

Thu hưởng tỷ lệ % đạt: 2.454.802.277 đồng = 143.6% với kế hoạch = 180.7% so với cùng kỳ.

Thu trợ cấp cân đối ngân sách: 8.481.819.000 đồng = 202.09% với kế hoạch = 92.1% so với cùng kỳ.

1.2. Chi ngân sách năm 2018.

- Tổng chi ngân sách năm 2018 đạt: 11.070.030.095 đồng = 111.8% so với kế hoạch năm = 101% so với cùng kỳ.

Trong đó:

- Chi đầu tư XDCB đạt: 6.130.280.300 đồng = 137.8% so với kế hoạch = 127.8% so với cùng kỳ.
- Chi thường xuyên đạt: 4.939.749.795 đồng = 90.57% so với kế hoạch = 80.1% so với cùng kỳ.

2. Nguyên nhân tăng thu, chi ngân sách xã:

- Được sự quan tâm thường xuyên của các cấp trên qua việc chỉ đạo, lãnh đạo và hỗ trợ nguồn ngân sách thông qua trợ cấp có mục tiêu và trợ cấp đột xuất, cùng với sự nỗ lực của cán bộ, nhân dân, cơ quan thuế tập trung khai thác các nguồn thu. Bên cạnh đó chấp hành tốt Luật ngân sách, chi tiêu tiết kiệm, điều hành chi ngân sách sát đúng với tình hình thực tế của địa phương, linh hoạt đảm bảo các công việc, đúng chế độ tài chính hiện hành.
- Huy động và quản lý sử dụng tốt nguồn ngân sách, nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản và các nguồn vốn hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới nên năm 2018 ngân sách xã đã góp phần đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng ở địa phương, hoàn thiện và nâng cao các Tiêu chí Nông thôn mới theo Tinh quy định và đáp ứng kịp thời tiền lương, phụ cấp CBCC xã và một phần phục vụ cho các hoạt động của các tổ chức, ban ngành, thể tại xã.

2- Tình hình công nợ

CHỈ TIÊU	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
		Tăng	Giảm	
A	1	2	3	4
I- Các khoản phải thu	146.491.960	120.000.000	60.091.960	206.400.000
II- Các khoản phải trả	9.450.946.000	3.857.935.000	9.062.893.000	4.245.988.000
III- Các khoản thu hộ, chi hộ	0	25.667.000	25.667.000	0

3- Tình hình tăng, giảm TSCĐ (nếu có)

ST T	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Số đầu năm		Tăng trong năm		Giảm trong năm		Số cuối năm	
			SL	NG	SL	NG	SL	NG	SL	NG
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cái	5	3.978.197.000	8	7.429.341.701			13	11.407.538.701
2	Máy móc thiết bị	Cái	12	627.434.000					12	627.434.000

4- Phân tích nguyên nhân, kiến nghị, đề xuất

Khách quan: Nên kinh tế trong nước đang dần phục hồi, nguồn thu hạn hẹp, manh mún, thiếu bền vững. Nhiệm vụ chi ngân sách trong năm nhiều đòi hỏi đáp ứng kịp thời bên cạnh đó nguồn chi hoạt động chủ yếu là dựa vào nguồn trợ cấp ngân sách cấp trên nên vẫn còn bị động trong công tác điều hành ngân sách.

Chủ quan: sự phối kết hợp giữa các Ban, ngành, các Tổ chức đơn vị chưa chặt chẽ. Ban tài chính tham mưu cho UBND xã thu các khoản thu tại xã chưa quyết liệt, chưa kịp thời, sự đôn đốc kiểm tra đòi lúc thiếu quyết liệt, nên dẫn đến nguồn thu chưa đạt kế hoạch. Thu – chi ngân sách vượt Kế hoạch giao đầu năm song chủ yếu là thu từ nguồn cấp quyền sử dụng đất và trợ cấp có mục tiêu, chủ yếu chi cho đầu tư XDCB và nâng cao các Tiêu chí nông thôn mới nên nguồn chi thường xuyên cơ bản đáp ứng nhu cầu tiền

